

Số: 19/2024/QĐST-DS

Sơn Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N1** (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: **B L, quận B, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phan Mạnh T**; Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh **Ngân hàng N1 chi nhánh huyện S, tỉnh Phú Yên** (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 07/5/2024 của ông **Vũ Anh T1**; Chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng N1 chi nhánh huyện S**).

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Ra Lan T2**, sinh năm 1959, bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: **thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.**

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Nguyên đơn **Ngân hàng N1** và vợ chồng ông **Ra Lan T2**, bà **Nguyễn Thị N**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Số tiền phải trả: Bị đơn vợ chồng ông Ra Lan T2, bà Nguyễn Thị N thừa nhận hiện còn nợ và chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 269.449.300đ (trong đó tiền gốc 167.000.000đ, tiền lãi 102.449.300đ) theo hợp đồng tín dụng số 20160610/01/HĐTD ngày 06/10/2016.

2.2 Thời gian trả nợ:

+ Đến ngày 31/10/2024 trả đủ 102.449.300đ.

+ Đến ngày 31/12/2024 trả đủ tiền gốc 167.000.000đ.

Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ như trên mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì nguyên đơn Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là:

Quyền sử dụng đất số W860860 diện tích 400m² thuộc tờ bản đồ số 10, thửa đất số 21(A) tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây cấp 4 kiên cố, tường gạch, lợp ngói, có đầy đủ công trình phụ nhà cầu, nhà tắm, nhà bếp; diện tích xây dựng 60m², thời điểm hoàn thành 2008.

Kể từ ngày 23/7/2023, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng N1 theo hợp đồng tín dụng số 20160610/01/HĐTD ngày 06/10/2016 mà các bên đã ký kết.

2.3 Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn vợ chồng ông Ra Lan T2, bà Nguyễn Thị N tự nguyện trả số tiền 2.000.000đ cho nguyên đơn Ngân hàng N1.

2.4 Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bị đơn ông Ra Lan T2, bà Nguyễn Thị N vì là người cao tuổi.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng N1 6.468.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002986 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện Sơn Hòa (02);
- CCTHADS huyện Sơn Hòa (02);
- Đường sự (02);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Bạch Văn Trinh